

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 104 /2026/HNGĐ-ST

Ngày: 17-8-2026

V/v: Ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 TỈNH QUẢNG TRỊ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Công Bằng

Bà Dương Thị Hương Giang

Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Tiến Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Quảng Trị

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Ông Đinh Văn Phúc – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 121/2026/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2026 về việc “Ly hôn, nuôi con chung”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 381/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/7/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 210/2026/QĐST-HNGĐ ngày 30/7/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Ngô Đức T, sinh năm 1985.

Số định danh cá nhân: 044085009725

Nơi ĐKNKTT trước khi xuất cảnh: Số 306 đường Nguyễn Thị Đ, TDP Hà D, phường Đồng H, tỉnh Quảng Trị; hiện đang sinh sống và làm việc tại: Đường Abbey (khu phía Bắc), thành phố Birmingham, Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ailen; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1987.

Số định danh cá nhân: 044187004614

Nơi ĐKNKTT: Số 314 đường Nguyễn Thị Đ, TDP Hà D, phường Đồng H, tỉnh Quảng Trị. Chị T có mặt tại phiên tòa.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Bùi Thị X, sinh năm 1978; địa chỉ:

Số 19 đường Linh G, TDP 2 Hải T, phường Đồng H, tỉnh Quảng Trị và bà Trần Thị Thanh T, sinh năm 1994; địa chỉ: Số 01 Hà Huy T, TDP 6 Nam L, phường Đồng H, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Ngô Xuân N, sinh năm 1945; địa chỉ: Số 306 đường Nguyễn Thị Đ, TDP Hà D, phường Đồng H, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

+ Bà Đỗ Thị E, sinh năm 1952 (đã mất năm 2025). Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà E gồm:

Ông Ngô Xuân N, địa chỉ: TDP Hà D, phường Đồng H, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt không có lý do.

Anh Ngô Xuân B; địa chỉ: TDP Hà D, phường Đồng H, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt không có lý do.

Anh Ngô Thanh S; địa chỉ: TDP Hà D, phường Đồng H, tỉnh Quảng Trị; hiện đang sinh sống và làm việc tại Hàn Quốc; vắng mặt không có lý do.

Chị Ngô Thị V; địa chỉ: TDP Hà D, phường Đồng H, tỉnh Quảng Trị; hiện đang sinh sống và làm việc tại Cộng hoà liên bang Đức; vắng mặt không có lý do.

Anh Ngô Đức T (con bà E); địa chỉ: Số 306 đường Nguyễn Thị Đ, tổ dân phố Hà D, phường Đồng H, tỉnh Quảng Trị; hiện đang sinh sống và làm việc tại: Đường Abbey (khu phía Bắc), thành phố Birmingham, Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai Len; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Trần Hưng Đạo Q, số 39 Hoàng D, phường Đồng H, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt không có lý do.

+ Ngân hàng C tỉnh Quảng Trị; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai (đều có xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Vương quốc Anh và Bắc Ai Len) và quá trình chuẩn bị xét xử - nguyên đơn anh Ngô Đức T trình bày:

*** Về quan hệ hôn nhân:** Anh và chị Hoàng Thị T tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã Bảo N, thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình (Nay là Ủy ban nhân dân phường Đồng H, tỉnh Quảng Trị) theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 31, quyền số: 01 đăng ký ngày 13 tháng 05 năm 2005. Thời gian đầu sau khi chung sống, vợ chồng có cuộc sống hòa thuận, yêu thương, quan tâm và chăm sóc lẫn nhau, cùng nhau vun vén, xây dựng gia đình. Năm 2005, anh chị đón con trai đầu lòng là cháu Ngô Hoàng T, sinh ngày 15 tháng 08 năm 2005. Đến năm 2009, anh chị tiếp tục sinh con trai thứ hai là cháu

Ngô Hoàng Tuấn T, sinh ngày 07 tháng 08 năm 2009. Đến năm 2017, gia đình anh chị thêm trọn vẹn khi sinh được con gái là cháu Ngô Hoàng Khánh L, sinh ngày 07 tháng 10 năm 2017.

Tuy nhiên, trong những năm gần đây, đời sống hôn nhân giữa anh chị dần trở nên căng thẳng và bế tắc khi mâu thuẫn liên tục phát sinh, không thể hòa giải. Tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, không còn sự thấu hiểu, sẻ chia như trước. Anh chị thường xuyên xảy ra tranh cãi, lời qua tiếng lại, khiến không khí gia đình trở nên nặng nề, ngột ngạt. Mọi nỗ lực trao đổi, hàn gắn và tìm tiếng nói chung đều không mang lại kết quả, khiến cuộc sống chung mất đi ý nghĩa và không còn hạnh phúc.

Hiện nay anh chị không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, người nào biết bốn phận của người đó, không quan tâm nhau, tình nghĩa vợ chồng không còn. Giữa anh chị đang có mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được và cũng không thể kéo dài thêm. Hiện nay anh chị đã ly thân và không còn mối liên hệ gì với nhau nữa. Vì vậy, anh T làm đơn này đề yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Hoàng Thị T.

*** Về quan hệ con chung:**

Anh chị có 03 (ba) người con chung, gồm có:

- Cháu: Ngô Hoàng T, sinh ngày: 15/08/2005, giới tính: Nam;
- Cháu: Ngô Hoàng Tuấn T, sinh ngày: 07/08/2009, giới tính: Nam;
- Cháu: Ngô Hoàng Khánh L, sinh ngày: 07/10/2017, giới tính: Nữ.

Về người trực tiếp nuôi con: Hiện nay cháu Ngô Hoàng Tuấn T và cháu Ngô Hoàng Khánh L đang được chị T chăm sóc nuôi dưỡng nên Anh T yêu cầu chị Hoàng Thị T là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 (hai) con chung – cháu T và cháu L sau khi vợ chồng ly hôn.

Cháu Ngô Hoàng T hiện đã trên 18 tuổi, có khả năng tự quyết định cuộc sống, nên anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết người trực tiếp nuôi dưỡng đối với cháu.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh T sẽ cấp dưỡng nuôi con hằng tháng với số tiền là 2.000.000 đồng/01 con (Hai triệu đồng/ một con) cho đến khi con đủ 18 tuổi. Vậy tổng số tiền anh T cấp dưỡng cho 02 con chung là 4.000.000 đồng/tháng (Bốn triệu đồng/tháng).

*** Về tài sản chung và nợ chung:** Anh T trình bày không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Ngô Đức T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt vì phải đi làm ăn xa ở nước ngoài, khoảng cách địa lý xa xôi không thể sắp xếp được thời gian để về nước tham gia phiên tòa. Anh T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không có ý kiến gì thêm.

* Tại bản trình bày ý kiến ngày 06/4/2026; Đơn phản tố ngày 06/4/2026 của Bị đơn chị Hoàng Thị T có nội dung: “Tôi là bị đơn trong vụ án “Ly hôn, nuôi con chung” theo Thông báo về việc thụ lý vụ án số: 121/TB-TLVA ngày 23/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Quảng Trị với nguyên đơn là anh Ngô Đức T. Nay tôi xin trình bày ý kiến của mình như sau:

Vừa qua anh T khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết việc Ly hôn và nuôi con chung với tôi. Tôi thấy rằng yêu cầu khởi kiện của anh T là chưa đầy đủ nên tôi chưa đồng ý vì trong quá trình chung sống ngoài con chung vợ chồng tôi còn có một số tài sản chung và nợ chung, cụ thể: Ngày 13/5/2005 tôi kết hôn với anh T tại UBND xã Bảo N, thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng tôi về chung sống với bố mẹ chồng là ông Ngô Xuân N và bà Đỗ Thị E tại số nhà 306 đường Nguyễn Thị Đ, thành phố Đồng H. Trong quá trình chung sống vợ chồng tôi sinh được 03 người con gồm: Cháu Ngô Hoàng T, sinh ngày 15/8/2005; cháu Ngô Hoàng Tuấn T, sinh ngày 07/8/2009 hiện là học sinh lớp 11 Trường trung cấp nghề số 9; cháu Ngô Hoàng Khánh L, sinh ngày 07/10/2017 hiện là học lớp 3, Trường tiểu học số 1 Bảo N. Khoảng năm 2010 đến năm 2016 chồng tôi đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc sau đó về nước đến năm 2017 đi xuất khẩu lao động tại cộng hoà liên bang Đức cho đến nay. Khoảng năm 2014, bố mẹ chồng tôi cùng các anh chị em trong gia đình có trao đổi, bàn bạc và bố mẹ chồng tôi nói đã già nên muốn tách thửa đất trên thành 03 thửa để tặng lại cho gia đình các con gồm: Gia đình tôi, gia đình của anh Ngô Thanh S, gia đình anh Ngô Xuân B. Sau khi bố mẹ chồng tôi tách thửa xong do chồng tôi ở xa nên chưa sang tên cho vợ chồng tôi.

Đầu năm 2015 được sự đồng ý của bố mẹ chồng vợ chồng tôi xây nhà ở 03 tầng, diện tích chiếm đất là 90m² trên phần đất được bố mẹ chồng tôi tách thửa nhưng chưa sang tên cho vợ chồng tôi ở vị trí phía Đông giáp đường Nguyễn Thị Đ có kích thước khoảng 05 mét; phía Tây giáp ngõ 306 Nguyễn Thị Định. Trị giá xây ngôi nhà trên là 1.500.000.000 đồng (*một tỷ năm trăm triệu đồng*) bao gồm tiền tiết kiệm của vợ chồng là 1.400.000.000 đồng và 100.000.000 đồng do tôi vay của Ngân hàng C tỉnh Quảng Bình nay là tỉnh Quảng Trị. Trong quá trình xây ngôi nhà trên bố mẹ chồng tôi sống tại ngôi nhà cấp 4 của bố mẹ và không đóng góp gì để xây ngôi nhà trên. Khoảng năm 2018 chị gái chồng tôi là Ngô Thị V cần tiền để làm ăn ở nước ngoài nên bố mẹ chồng tôi thế chấp thửa đất gắn liền với ngôi nhà ở của vợ chồng tôi xây năm 2015 nêu trên tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Trần Hưng Đạo Quảng B để có tiền cho chị V mượn.

Ngoài ra do chồng tôi ở xa nên vợ chồng tôi có nhờ bố mẹ chồng đứng tên để nhận chuyển nhượng thửa đất số 166, tờ bản đồ số 39, diện tích 129,9m². Địa chỉ thửa đất tại thôn Đồng D, xã Bảo N, thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình (nay là Tổ dân phố Đồng D, phường Đồng H, tỉnh Quảng Trị) của ông Hoàng Minh C và bà Trần Thị Bích T thường trú tại xã Nhân T, huyện Bố T với giá khoảng 790.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền nhận chuyển nhượng thửa đất này là tiền tiết kiệm của vợ chồng tôi và do tôi là người trực tiếp thanh toán thông qua số tài khoản của tôi 040097247465 tại ngân hàng Sacombank cho bên chuyển

nhượng. Do vụ việc diễn ra đã lâu, tôi thực hiện chuyển khoản bằng máy di động của tôi nhưng khi trích xuất không hiện tên đầy đủ nên tôi không nhớ chính xác số tiền đã chuyển. Hiện tôi đã yêu cầu phía ngân hàng cung cấp thông tin đầy đủ để tôi nộp cho quý Toà.

Ngoài 02 tài sản trên, vợ chồng tôi có 02 khoản nợ chung với số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) do tôi đại diện để vay trong đó:

Vay theo Sổ vay vốn ngày 14/5/2025 với Ngân hàng c tỉnh Quảng Bình (nay là tỉnh Quảng Trị) số tiền 50.000.000 đồng để đáo hạn khoản vay để làm nhà ở năm 2015.

Vay theo Hợp đồng tín dụng số 134.BN/2025/HĐTD ngày 20/9/2025 với Ngân hàng C tỉnh Quảng Trị số tiền 50.000.000 đồng để đáo hạn khoản vay để làm nhà ở năm 2015.

Trong quá trình khởi kiện anh T cũng đề nghị Toà án giải quyết 02 yêu cầu:

1. Đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn với tôi, tôi thấy rằng vợ chồng sống xa nhau đã lâu, qua bạn bè, người thân tôi biết hiện nay anh T đã có người phụ nữ khác và người phụ nữ này hiện đang mang thai con anh T ở giai đoạn gần sinh. Tôi cũng không muốn ly hôn để hàn gắn cuộc sống hôn nhân nhưng anh T kiên quyết muốn ly hôn với tôi thì tôi đồng ý để Toà án giải quyết cho ly hôn.

2. Về con chung: Chúng tôi có 03 người con: Cháu Ngô Hoàng T, sinh ngày 15/8/2005 đã trên 18 tuổi nên không cần cấp dưỡng tôi đồng ý. Riêng 02 cháu Ngô Hoàng Tuấn T, sinh ngày 07/8/2009 hiện là học sinh lớp 11 Trường trung cấp nghề số 9; cháu Ngô Hoàng Khánh L, sinh ngày 07/10/2017 hiện là học lớp 3, Trường tiểu học số 1 Bảo N nhưng anh T đề xuất tôi có trách nhiệm nuôi 02 cháu và anh T chu cấp cho mỗi cháu là 2.000.000 đồng/tháng là quá ít. Vì mỗi tháng tiền ăn, tiền học thêm của các cháu giao động khoảng 10.000.000 đồng/cháu nên tôi đề nghị anh T cấp dưỡng cho cháu T và cháu L mỗi cháu 4.000.000 đồng/tháng và tôi có nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng hai con.

3. Đối với tài sản chung tôi đề nghị Toà án chia đôi. Trường hợp anh T đồng ý nhường phần tài sản chung của anh cho các con thì tôi cũng đồng ý nhường tất cả tài sản chung của vợ chồng có được trong thời kỳ hôn nhân để cho các con.

4. Khoản nợ chung 100.000.000 đồng ở Ngân hàng C tỉnh Quảng Trị tôi đề nghị Toà án chia đôi”.

Theo đó, ngày 28 tháng 4 năm 2026, Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Trị đã thụ lý đơn phản tố của bị đơn là chị Hoàng Thị T và bổ sung những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng. Những vấn đề cụ thể người có đơn phản tố yêu cầu Toà án giải quyết bao gồm:

- Yêu cầu Tòa án chia đôi trị giá ngôi nhà do vợ chồng anh T, chị T tự bỏ tiền ra xây dựng vào năm 2015, địa chỉ: Số 306 đường Nguyễn Thị Đ, trị giá

ngôi nhà là 1.500.000.000 đồng nên chị T đề nghị chia đôi anh T được hưởng $\frac{1}{2}$ và chị T hưởng $\frac{1}{2}$ trị giá ngôi nhà. Chị T có nguyện vọng giao nhà cho anh T sử dụng và anh T có nghĩa vụ hoàn trả lại cho chị T $\frac{1}{2}$ giá trị ngôi nhà là 750.000.000 đồng. Nếu trong quá trình giải quyết vụ án, anh T và tất cả những người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan đều đồng ý cho con trai chị T là Ngô Hoàng T được thừa hưởng ngôi nhà và đất nêu trên thì chị T nhất trí nhường lại phần trị giá ngôi nhà nêu trên của chị T cho con là Ngô Hoàng T.

- Yêu cầu Tòa án chia thừa đất số 166, tờ bản đồ số 39, diện tích 129,9m², địa chỉ tại thôn Đồng D, xã Bảo N, thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình (nay là TDP Đồng D, phường Đồng H, tỉnh Quảng Trị). Trị giá thừa đất là 790.000.000 đồng, chị T đề nghị chia cho mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$ trị giá thừa đất nêu trên là 395.000.000 đồng. Chị T có nguyện vọng lấy đất và hoàn trả trị giá $\frac{1}{2}$ thừa đất cho anh T. Nếu anh T đồng ý nhường phần đất của anh được hưởng tại thừa đất này cho con chung là Ngô Hoàng Tuấn T thì chị T cũng đồng ý để nhường lại phần đất của chị T được hưởng tại thừa đất này cho con chung Ngô Hoàng Tuấn T.

- Yêu cầu Tòa án chia nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân tổng số tiền nợ là 100.000.000 đồng tại Ngân hàng C tỉnh Quảng Trị. Chị T đề nghị chia đôi, mỗi người có trách nhiệm trả 50.000.000 đồng cho Ngân hàng C tỉnh Quảng Trị.

*Tại bản trình bày ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Ngô Xuân N có nội dung khẳng định toàn bộ số tiền làm nhà, mua đất đều bằng tiền của hai vợ chồng ông Ngô Xuân N và bà Đỗ Thị E. Ông N không nhất trí với nội dung yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung của chị T.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác trong vụ án không gửi bản trình bày ý kiến về Tòa án đối với nội dung yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung của chị T.

Ngày 17 tháng 6 năm 2026, Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Quảng Trị nhận được Đơn xin rút phần tố về việc yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung của vợ chồng khi ly hôn của chị Hoàng Thị T.

Tại phiên tòa, bị đơn chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T, vì vợ chồng sống xa nhau đã lâu, tình cảm thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay anh T kiên quyết muốn ly hôn với chị thì chị T đồng ý để Tòa án giải quyết cho ly hôn; Về con chung: Anh chị có 03 người con: Cháu Ngô Hoàng T, sinh ngày 15/8/2005 đã trên 18 tuổi nên không cần cấp dưỡng chị T đồng ý. Riêng 02 cháu Ngô Hoàng Tuấn T, sinh ngày 07/8/2009 hiện là học sinh lớp 11 Trường trung cấp nghề số 9; cháu Ngô Hoàng Khánh L, sinh ngày 07/10/2017 hiện là học lớp 3, Trường tiểu học số 1 Bảo Ninh nhưng anh T đề xuất chị T có trách nhiệm nuôi 02 cháu và anh T chu cấp cho mỗi cháu là 2.000.000 đồng/tháng là quá ít. Vì mỗi tháng tiền ăn, tiền học thêm của

các cháu giao động khoảng 10.000.000 đồng/cháu nên chị T đề nghị anh T cấp dưỡng cho cháu T và cháu L mỗi cháu 4.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 9 năm 2026 và chị T có nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng hai con. Chị T tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu phản tố chia tài sản chung và nợ chung.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Ngô Xuân N nhất trí với nội dung chị T rút toàn bộ yêu cầu phản tố chia tài sản chung và nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 tỉnh Quảng Trị phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Ngô Xuân N đã giao nộp chứng cứ, có các bản tự khai đúng quy định thể hiện quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng.

*Về tố tụng: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 464 và Điều 476 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Ngô Đức T.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn giữa anh Ngô Đức T và chị Hoàng Thị T.

Về con chung: Giao 02 cháu Ngô Hoàng Tuấn T, sinh ngày 07/8/2009 và cháu Ngô Hoàng Khánh L, sinh ngày 07/10/2017 cho chị Hoàng Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Ngô Đức T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung (cho cháu T và cháu L) mỗi cháu 4.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 9 năm 2026 cho đến khi cháu Ngô Hoàng Tuấn T và cháu Ngô Hoàng Khánh L đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật.

Riêng cháu Ngô Hoàng T, sinh ngày 15/8/2005 đã trên 18 tuổi nên không xem xét.

Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu phản tố của bị đơn về chia tài sản chung, nợ chung do bị đơn đã tự nguyện rút yêu cầu phản tố về chia tài sản chung, nợ chung.

Án phí: Buộc các đương sự chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định pháp luật. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí phản tố 39.900.000 đồng (ba mươi chín triệu, chín trăm nghìn đồng) cho chị Hoàng Thị T đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001920, ký hiệu: BLTU/26E ngày 28/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai, Giấy ủy quyền và đơn đề nghị của nguyên đơn anh Ngô Đức T đều có xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Vương quốc Anh và Bắc Ai Len; bị đơn chị Hoàng Thị T có nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Số 314 đường Nguyễn Thị Đ, TDP Hà D, phường Đồng H, tỉnh Quảng Trị. Đây là vụ án ly hôn có yếu tố nước ngoài, Tòa án nhân dân khu vực 1 tỉnh Quảng Trị thụ lý là đúng về thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục theo quy định tại Điều 474 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 28 tháng 4 năm 2026, Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Trị đã thụ lý đơn phản tố của bị đơn là chị Hoàng Thị T và bổ sung những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng. Ngày 17 tháng 6 năm 2026, Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Quảng Trị nhận được Đơn xin rút phản tố về việc yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung của vợ chồng khi ly hôn của chị Hoàng Thị T.

Vụ án do thu thập đầy đủ tài liệu chứng cứ và đương sự có đơn đề nghị giải quyết sớm nên Tòa án ra Thông báo thay đổi thời gian xét xử để đảm bảo quyền lợi cho đương sự. Căn cứ Điều 227, Điều 228, điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân giữa anh Ngô Đức T và chị Hoàng Thị T là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu bất đồng quan điểm sống, không hiểu nhau. Đặc biệt kể từ khi anh Ngô Đức T sang nước ngoài làm ăn thì tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Hiện tại giữa anh Ngô Đức T và chị Hoàng Thị T không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được HĐXX thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Ngô Đức T, xử cho anh Ngô Đức T được ly hôn chị Hoàng Thị T.

[2.2] Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 03 người con gồm cháu Ngô Hoàng T, sinh ngày 15/8/2005 (đã trên 18 tuổi); cháu Ngô Hoàng Tuấn T, sinh ngày 07/8/2009 hiện là học sinh lớp 11 Trường trung cấp nghề số 9 và cháu Ngô Hoàng Khánh L, sinh ngày 07/10/2017 hiện là học lớp 3, Trường tiểu học số 1 Bảo N. Hiện nay hai con T và L đang ở chung với chị T. Anh T hiện ở nước ngoài. HĐXX thấy cần căn cứ Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị T là giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và cũng phù hợp với ý kiến của anh T là giao hai con T và L

cho chị T trực tiếp chăm sóc; phù hợp với nguyện vọng của cháu Tuấn T và Khánh L muốn được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn.

Riêng cháu Ngô Hoàng T, sinh ngày 15/8/2005 đã trên 18 tuổi nên HĐXX không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ qua lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: HĐXX thấy rằng mức cấp dưỡng đóng góp nuôi con chung mà anh T đề nghị chu cấp cho mỗi cháu là 2.000.000 đồng/tháng là chưa phù hợp. Chị T yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con cho cháu T và cháu L mỗi cháu 4.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 9 năm 2026 cho đến khi hai cháu đủ tuổi trưởng thành. Anh T có công việc và thu nhập hàng tháng ổn định, do đó để đảm bảo điều kiện tốt nhất cho cháu Tuấn T và Khánh L khi bố mẹ ly hôn, HĐXX cần chấp nhận yêu cầu của chị T để buộc anh Ngô Đức T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung (cho cháu T và cháu L) mỗi cháu 4.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 9 năm 2026 cho đến khi cháu Ngô Hoàng Tuấn T và cháu Ngô Hoàng Khánh L tròn 18 tuổi.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Ngày 17 tháng 6 năm 2026, Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Quảng Trị nhận được Đơn xin rút phản tố về việc yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung của vợ chồng khi ly hôn của chị Hoàng Thị T. Tại phiên tòa, chị T trình bày chị tự nguyện rút phản tố về việc yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung của vợ chồng khi ly hôn và đề nghị HĐXX đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của chị. HĐXX thấy rằng việc bị đơn rút yêu cầu phản tố là tự nguyện do đó căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự cần đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu phản tố của bị đơn về chia tài sản chung, nợ chung.

[3] Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, buộc anh Ngô Đức T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0001021, ký hiệu: BLTU/26E ngày 17/3/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị. Anh Ngô Đức T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

- Về án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ: Buộc anh Ngô Đức T chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ.

- Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí phản tố 39.900.000 đồng (ba mươi chín triệu, chín trăm nghìn đồng) cho chị Hoàng Thị T đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001920, ký hiệu: BLTU/26E ngày 28/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, khoản 2 Điều 244, các Điều 469, 474, điểm a khoản 5 Điều 477, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 121, 123, 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Ngô Đức T được ly hôn chị Hoàng Thị T.

2. Về quan hệ con chung: Giao 02 con chung là cháu Ngô Hoàng Tuấn T, sinh ngày 07/8/2009 và cháu Ngô Hoàng Khánh L, sinh ngày 07/10/2017 cho chị Hoàng Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Ngô Đức T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung (cho cháu T và cháu L) mỗi cháu 4.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 9 năm 2026 cho đến khi cháu Ngô Hoàng Tuấn T và cháu Ngô Hoàng Khánh L tròn 18 tuổi.

Riêng cháu Ngô Hoàng T, sinh ngày 15/8/2005 đã trên 18 tuổi nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, không ai được phép ngăn cản việc thăm nom chăm sóc con chung. Vì quyền lợi của con, các bên đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu phản tố của bị đơn về chia tài sản chung, nợ chung.

4. Về án phí sơ thẩm: Anh Ngô Đức T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0001021, ký hiệu: BLTU/26E ngày 17/3/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

- Về án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ: Buộc anh Ngô Đức T chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ.

- Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí phản tố 39.900.000 đồng (ba mươi chín triệu, chín trăm nghìn đồng) cho chị Hoàng Thị T đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001920, ký hiệu: BLTU/26E ngày 28/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận về việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; người phải thi hành án có nghĩa vụ thi hành đầy đủ, kịp thời bản án, quyết định; trường hợp có điều kiện thi hành án mà không tự nguyện thi hành thì bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15; thời hiệu yêu

cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15.

5. Về quyền kháng cáo: Án sơ thẩm xử công khai, anh Ngô Đức T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật, bị đơn chị Hoàng Thị T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông N có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 17/8/2026); người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm ông N, ông B, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn N và Ngân hàng C tỉnh Quảng Trị vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương; Ông S và bà V có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Quảng Trị;
- VKSND Khu vực 1;
- Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- UBND p.Đồng H;
- Lưu án, Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thanh Hoa